

NGHỊ QUYẾT**về Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo
trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2030**

Thực hiện Chương trình hành động số 68-CTr/TU ngày 15/10/2021 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XI, Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Nghị quyết về *Phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2023-2030* như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH**1. Kết quả đạt được**

Trong những năm qua, tỉnh đã quan tâm chỉ đạo, chú trọng đầu tư, nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ (KH&CN) trên tất cả các lĩnh vực, bám sát các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, giúp địa phương tiếp nhận, làm chủ và phát triển các kỹ thuật, công nghệ nhằm giải quyết các vấn đề về nâng cao năng suất, chất lượng các giống cây trồng, vật nuôi có lợi thế của tỉnh; việc xây dựng thương hiệu cho các sản phẩm đặc sản của địa phương cùng các chính sách hỗ trợ đã tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân có điều kiện đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ trong và ngoài nước góp phần quảng bá sản phẩm đặc sản địa phương ra thị trường. Công tác phát triển doanh nghiệp KH&CN bước đầu có sự quan tâm, tìm hiểu của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh. Tổ chức KH&CN công lập đã và đang được đầu tư mở rộng, từng bước nâng cao tiềm lực để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới¹.

Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo (KH, CN & ĐMST) đã có những đóng góp nhất định vào tăng trưởng kinh tế của tỉnh; nhận thức của cán bộ, đảng viên, nhân dân, doanh nghiệp về vai trò, vị trí của KH, CN & ĐMST được nâng lên; các dự án nâng cao tiềm lực về KH&CN được triển khai; các cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp được ban hành góp phần quan trọng vào đổi mới công tác quản lý, tăng năng suất lao động, nâng cao chất lượng sản phẩm hàng hóa, dịch vụ, cải

¹ Trong giai đoạn 2011-2020, tỉnh đã thực hiện và nghiệm thu được 77 đề tài, dự án KH&CN cấp tỉnh, 52 đề tài, dự án cấp cơ sở, bao gồm các lĩnh vực: khoa học xã hội và nhân văn chiếm 53%; khoa học y, dược 11%; khoa học kỹ thuật và công nghệ 16%; khoa học nông nghiệp 20%; toàn tỉnh có 03 doanh nghiệp KH&CN được thành lập; 01 tổ chức KH&CN công lập; 04 tổ chức KH&CN ngoài công lập và 02 chi nhánh của tổ chức KH&CN công lập.

thiện năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp; công nghệ thông tin được ứng dụng mạnh mẽ vào công tác quản lý, điều hành, dịch vụ công trực tuyến góp phần thực hiện tốt công tác cải cách hành chính nhà nước, tạo tiền đề tiến tới hình thành chính quyền điện tử, chính quyền số, thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển kinh tế số, xã hội số.

2. Tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những kết quả đạt được, hoạt động KH&CN của tỉnh còn một số tồn tại hạn chế như: hoạt động KH&CN phát triển chưa tương xứng với tiềm năng và sự phát triển của tỉnh, chưa thực sự trở thành động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội; các giải pháp KH&CN trong tăng trưởng và phát triển của từng ngành nghề với mức độ tham gia, đóng góp còn hạn chế và chưa chủ đạo.

Kinh phí đầu tư cho KH&CN của tỉnh còn thấp so với tổng chi ngân sách của tỉnh (thấp hơn mức 2%), trung bình giai đoạn 2011-2020 đạt 0,68% (*trong đó kinh phí chi cho ngành KH&CN chiếm 0,27%*).

Việc huy động nguồn lực của xã hội, nhất là từ doanh nghiệp vào hoạt động KH, CN & ĐMST còn hạn chế; đầu tư, đổi mới công nghệ còn thấp; sản phẩm của hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN chưa đáp ứng được yêu cầu thực tế của đời sống, chưa có đề tài, dự án có tính đột phá cao để tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, lĩnh vực nghiên cứu chưa đa dạng, nguồn lực tham gia nghiên cứu khoa học của tỉnh còn hạn chế. Vốn sự nghiệp KH&CN phân bổ thực hiện ở cấp huyện rất thấp so với ở cấp tỉnh, chưa thu hút được nguồn kinh phí ngoài ngân sách, cơ chế tài chính còn rườm rà, chưa thật sự khuyến khích cho hoạt động nghiên cứu KH&CN; tổ chức KH&CN công lập của tỉnh chưa xây dựng được các dịch vụ KH&CN chủ lực, chưa trở thành đơn vị nòng cốt trong nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

Lĩnh vực đổi mới sáng tạo, đóng vai trò rất quan trọng trong tăng trưởng kinh tế của tỉnh theo chiều sâu, nhưng hiện nay hoạt động đổi mới sáng tạo của tỉnh còn trong giai đoạn khởi đầu, sơ khai, chủ yếu mới chỉ tuyên truyền, hội thảo và tổ chức các cuộc thi tại các đoàn thể và hiệp hội. Đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh có trình độ đại học, trên đại học ngày càng tăng nhưng số người quan tâm, có năng lực nghiên cứu, triển khai, ứng dụng KH&CN chưa nhiều; tỉnh chưa có chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực công nghệ sinh học, nông nghiệp công nghệ cao và các ngành nghề khác; việc đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực KH&CN cũng chưa được quan tâm đúng mức, trong đó có một số doanh nghiệp lớn, có tiềm lực của địa phương. Các yếu tố trên là những hạn chế dẫn đến tỉnh khó tham gia xu thế hội nhập và đổi mới công nghệ.

3. Nguyên nhân

* Nguyên nhân khách quan: xuất phát điểm nền kinh tế của tỉnh thấp, tư duy sản xuất nhỏ; cơ chế, chính sách còn thiếu đồng bộ.

* Nguyên nhân chủ quan:

- Một số cấp ủy đảng, chính quyền, một bộ phận cán bộ, đảng viên chưa nhận thức đầy đủ, chưa quan tâm đúng mức về vai trò, tầm quan trọng của phát triển KH, CN & ĐMST; việc lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện ở một số cơ quan, đơn vị chưa được quan tâm đúng mức.

- Đề xuất đặt hàng cho KH & CN trên địa bàn tỉnh chưa nhiều, chưa nhận được nhiều sự tham gia đề xuất, đặt hàng về các vấn đề KH & CN cấp thiết; các sở, ngành, địa phương chưa xem việc đề xuất, đặt hàng cho KH & CN là yêu cầu, nhiệm vụ quan trọng của ngành mình để thúc đẩy tăng trưởng, tạo sự bức phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc để phục vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh; phần lớn đề tài nghiên cứu mang nặng tính lý thuyết, thiếu đề tài ứng dụng thực tiễn, việc đặt hàng nhiệm vụ KH & CN có xu hướng giảm dần qua từng năm.

- Nguồn nhân lực hoạt động KH & CN của tỉnh còn tương đối thiếu và yếu, các chức năng hoạt động KH & CN chưa được triển khai đồng bộ và toàn diện: chưa triển khai được các hoạt động hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao, đổi mới công nghệ; phát triển thị trường công nghệ, tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh; hoạt động ứng dụng tiến bộ KH & CN chưa được triển khai rộng rãi, chưa có nhiều dịch vụ, mô hình chuyển giao tiến bộ KH & CN mang lại hiệu quả cao, tỷ lệ giải ngân kinh phí sự nghiệp KH & CN thấp.

- Đầu tư cho phát triển KH & CN còn thiếu trọng tâm; chưa thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao; chưa tập trung vào lĩnh vực, ngành có tính đặc thù để phát huy và đột phá; việc xây dựng cơ sở dữ liệu thống kê ngành KH & CN chưa đồng bộ từ Trung ương đến địa phương.

II. QUAN ĐIỂM VÀ MỤC TIÊU

1. Quan điểm

- Đoàn kết, thống nhất đổi mới sáng tạo, khơi dậy khát vọng vươn lên, phát huy tinh thần tự lực, tự cường và xác định các yếu tố bức phá để phát triển nhanh, bền vững đóng góp thiết thực vào sự phát triển của địa phương, của vùng và của cả nước; xác định ngành, lĩnh vực phù hợp với đặc thù, lợi thế so sánh để tập trung thu hút đầu tư; đẩy mạnh ứng dụng KH & CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Phát triển KH, CN & ĐMST là quốc sách hàng đầu; KH, CN & ĐMST đóng vai trò đột phá chiến lược trong giai đoạn mới, là động lực chính để thúc đẩy tăng trưởng, tạo bức phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của các

ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội, địa phương và doanh nghiệp; là nền tảng để thực hiện chuyển đổi số, góp phần nâng cao đời sống nhân dân.

- Phát triển đồng bộ, liên ngành, có trọng tâm, trọng điểm khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học nông nghiệp, khoa học y - dược, khoa học kỹ thuật và công nghệ; hình thành và phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo địa phương trong đó doanh nghiệp đóng vai trò là trung tâm, các viện, trung tâm nghiên cứu và trường đại học là chủ thể nghiên cứu mạnh, Nhà nước thực hiện vai trò định hướng, điều phối, kiến tạo môi trường thể chế, chính sách thuận lợi cho hoạt động hiệu quả của toàn hệ thống.

- Tăng cường đầu tư và nâng cao hiệu quả đầu tư cho KH,CN&ĐMST cùng với đào tạo, thu hút và trọng dụng nhân lực chất lượng cao là những yếu tố quyết định để tạo sự phát triển đột phá về KH,CN&ĐMST. Đầu tư của xã hội, đặc biệt đầu tư từ doanh nghiệp là nguồn lực chủ yếu cho phát triển KH,CN&ĐMST.

- Đổi mới mạnh mẽ tư duy, phương pháp quản lý để tháo gỡ các nút thắt, rào cản cơ chế, chính sách đối với hoạt động KH,CN&ĐMST, thực hiện cơ chế thử nghiệm chính sách vượt trội, chấp nhận rủi ro để thúc đẩy triển khai và ứng dụng công nghệ mới, đổi mới sáng tạo, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ.

2. Mục tiêu

2.1. Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2030, KH,CN&ĐMST trở thành động lực tăng trưởng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội bền vững. KH,CN&ĐMST có tiềm lực và trình độ tiên tiến ở một số lĩnh vực quan trọng; trình độ, năng lực công nghệ, đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đạt mức trên trung bình của cả nước.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu đến năm 2025:

- Đóng góp của KH,CN&ĐMST vào tăng trưởng kinh tế thể hiện qua đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế đạt mức 40%.

- Phần đầu đạt 1,5% tổng chi ngân sách của địa phương vào năm 2025, tăng dần mức đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các hoạt động KH,CN&ĐMST.

- Hình thành Khu ươm tạo công nghệ hoặc Khu đổi mới sáng tạo/Khu, không gian làm việc chung thuộc Trung tâm KH&CN Tây Ninh.

- Hình thành 01 khu nông nghiệp công nghệ cao (CNC) với các cơ sở sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC, tạo ra ngành nghề mới, sản phẩm mới, hàng hóa có chất lượng mới.

- Phần đầu đạt 05 đơn đăng ký sáng chế và văn bằng bảo hộ sáng chế.
- Phần đầu đến năm 2025 (trong giai đoạn 2021-2025), đạt mức 12 lượt Doanh nghiệp, tổ chức đạt giải thưởng chất lượng quốc gia.
- Số phương tiện đo, chuẩn đo lường được kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đến năm 2025 (trong giai đoạn 2021-2025) đạt 39.000 phương tiện đo.

Mục tiêu đến năm 2030:

- Rà soát, tiếp tục xây dựng một số chỉ tiêu thống kê cơ bản của ngành KH&CN: cơ sở hạ tầng cho KH&CN; nhân lực KH&CN; tài chính cho KH&CN; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; đổi mới sáng tạo, chuyển giao công nghệ; sở hữu trí tuệ; công bố khoa học và công nghệ; tiêu chuẩn đo lường và chất lượng; năng lượng nguyên tử, an toàn bức xạ và hạt nhân.
- Đóng góp của KH, CN & ĐMST vào tăng trưởng kinh tế thể hiện qua đóng góp của năng suất nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế ở mức 45%.
- Phần đầu đạt 2% tổng chi ngân sách của địa phương vào năm 2030 cho các hoạt động KH, CN & ĐMST.
- Duy trì và phát triển Khu ươm tạo công nghệ hoặc Khu đổi mới sáng tạo/Khu, không gian làm việc chung thuộc Trung tâm KH&CN Tây Ninh.
- Duy trì và phát triển Khu nông nghiệp công nghệ cao (CNC) với các cơ sở sản xuất nông nghiệp ứng dụng CNC, tạo ra ngành nghề mới, sản phẩm mới, hàng hóa có chất lượng mới.
- Số doanh nghiệp đạt tiêu chí doanh nghiệp KH&CN và số doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đạt tối thiểu 10 doanh nghiệp.
- Giá trị giao dịch hàng hóa khoa học và công nghệ hàng năm tăng, bình quân đạt 10%, chủ yếu tập trung vào một số lĩnh vực, ngành chủ lực của tỉnh hoặc các sản phẩm mới phục vụ các thị trường ngách và các sản phẩm xuất khẩu. Tỷ trọng giao dịch tài sản trí tuệ đạt trên 10%, tỷ trọng giao dịch các công nghệ đạt 10 - 20 %².
- Phần đầu đạt 10 đơn đăng ký sáng chế và văn bằng bảo hộ sáng chế.
- Phần đầu đến năm 2030 (trong giai đoạn 2026-2030), đạt mức 14 lượt Doanh nghiệp, tổ chức đạt giải thưởng chất lượng quốc gia.
- Số phương tiện đo, chuẩn đo lường được kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm đến năm 2030 (trong giai đoạn 2026-2030) đạt 50.000 phương tiện đo.

² Tham khảo Kế hoạch số 5008/KH-UBND ngày 30/12/2021 của UBND tỉnh về “triển khai Chương trình phát triển thị trường KH&CN quốc gia trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030”..

- Gia tăng đóng góp của đổi mới công nghệ, nhân lực, quản trị, tổ chức ở doanh nghiệp; đóng góp của các hoạt động nghiên cứu và phát triển của các viện nghiên cứu và trường đại học hướng tới phục vụ đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp. Đảm bảo các chỉ tiêu thống kê cơ bản của ngành KH&CN không thấp hơn trung bình của cả nước.

- KH,CN&ĐMST góp phần vào cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng hiện đại, tham gia tích cực, hiệu quả và tận dụng cơ hội cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và tận dụng lợi thế thương mại; KH,CN&ĐMST đóng vai trò quan trọng trong phát triển một số ngành chủ lực của tỉnh.

- Hệ thống tổ chức KH&CN được cơ cấu lại theo hướng tự chủ, liên kết, tiếp cận chuẩn mực quốc tế nhằm nâng cao năng lực, hiệu quả; chú trọng phát triển các tổ chức nghiên cứu và phát triển trong doanh nghiệp.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội trong tuyên truyền, nâng cao nhận thức về phát triển, ứng dụng KH,CN&ĐMST phục vụ phát triển kinh tế- xã hội

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách phát triển KH,CN&ĐMST; nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền, các tổ chức chính trị - xã hội và đội ngũ đảng viên, cán bộ, công chức về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của KH&CN trong phát triển kinh tế - xã hội. Người đứng đầu các cấp, các ngành chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo phát triển, ứng dụng KH&CN để nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động của ngành, địa phương.

- Gắn mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ phát triển, ứng dụng KH,CN&ĐMST với mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của từng cấp, từng ngành; đưa phát triển, ứng dụng KH,CN&ĐMST là một nội dung trong kế hoạch phát triển của từng ngành, địa phương.

2. Đổi mới cơ chế hoạt động KH,CN&ĐMST, nâng cao năng lực quản lý nhà nước về KH,CN&ĐMST

- Các sở, ban, ngành, địa phương đẩy mạnh công tác phối hợp trong hoạt động KH&CN, quan tâm đúng mức về vai trò, tầm quan trọng của phát triển KH,CN&ĐMST, xem đây là nhiệm vụ chính trị, là động lực chính để thúc đẩy, tăng trưởng, tạo bứt phá về năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; xây dựng các chương trình, nhiệm vụ KH&CN theo chuỗi giá trị của sản phẩm, tập trung phát triển sản phẩm chủ lực của tỉnh dựa vào công nghệ mới, công nghệ cao để hình thành các ngành nghề mới và các sản phẩm mới, tạo giá trị gia tăng; ưu tiên đầu tư cho các nhiệm vụ KH&CN có tính ứng dụng cao, nhất là các lĩnh vực mà tỉnh có tiềm năng phát triển mạnh.

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ của cán bộ quản lý KH, CN & ĐMST ở các cấp, tập trung vào các nội dung thiết thực, phù hợp với tính chất quản lý nhà nước về KH, CN & ĐMST.

- Nâng cao chất lượng của các hội đồng tư vấn KH & CN, ưu tiên mời các chuyên gia, các nhà khoa học đầu ngành tham gia.

- Rà soát, cụ thể hóa các quy định về hoạt động KH & CN theo hướng công khai, minh bạch, khách quan, đơn giản hóa thủ tục hành chính; đổi mới chế độ quản lý tài chính, thanh quyết toán, chấp nhận nguyên tắc rủi ro trong khoa học.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý, điều hành các nhiệm vụ KH & CN phục vụ công tác quản lý nhà nước và nhu cầu tra cứu của nhà khoa học, doanh nghiệp và người dân trong việc quản lý các nguồn lực KH, CN & ĐMST, kết nối, hình thành cơ sở dữ liệu của tỉnh về KH, CN & ĐMST.

- Chú trọng ứng dụng các mô hình, giải pháp đổi mới sáng tạo, công nghệ số và các thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư vào phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo

- Xây dựng, hình thành không gian khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; hình thành khu dịch vụ tập trung hỗ trợ khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo của tỉnh nhằm huy động nguồn lực cung cấp dịch vụ hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong cộng đồng.

- Xây dựng, triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả cơ chế, chính sách hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo, kích thích sự sáng tạo, phát huy ý tưởng, khơi dậy tinh thần khởi nghiệp kinh doanh, làm giàu, lập thân, lập nghiệp của mọi tầng lớp nhân dân, góp phần thúc đẩy hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm trên thị trường.

- Xây dựng, phát triển mạng lưới chuyên gia, tổ chức truyền thông, tư vấn, huấn luyện, đào tạo cung cấp dịch vụ cho hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo tại địa phương.

- Hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ và tăng cường đầu tư về nhân lực, tài chính, cơ sở hạ tầng cho Trung tâm KH & CN trực thuộc Sở KH & CN, trở thành đầu mối hỗ trợ, thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ, đổi mới sáng tạo của tỉnh.

4. Chủ động đẩy mạnh hợp tác về KH, CN & ĐMST; thu hút, sử dụng có hiệu quả mọi nguồn lực đầu tư cho KH, CN & ĐMST

- Tăng cường hợp tác trong nghiên cứu và phát triển, ứng dụng KH & CN; tích cực phối hợp, liên kết với các tỉnh/thành phố, các trường đại học, viện nghiên cứu đầu ngành trong thực hiện nhiệm vụ KH & CN, chuyển giao công nghệ, chia sẻ

kinh nghiệm, đào tạo nguồn nhân lực KH&CN; kết nối hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, thu hút cổ vấn, chuyên gia, nhà đầu tư khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có uy tín hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, phát huy hiệu quả hợp tác KH&CN.

- Xây dựng và triển khai thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tây Ninh; triển khai Chương trình phát triển thị trường KH&CN trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đến năm 2030.

- Xây dựng phương án quy hoạch mạng lưới tổ chức KH&CN công lập thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh Tây Ninh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tích hợp vào quy hoạch quốc gia; phát triển mạng lưới các tổ chức KH&CN tại địa phương trở thành các chủ thể nghiên cứu mạnh, đơn vị nòng cốt trong nghiên cứu khoa học, ứng dụng và chuyển giao công nghệ.

- Xây dựng Danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước thuộc lĩnh vực sự nghiệp KH&CN nhằm cung cấp tốt hơn dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Thu hút đầu tư và khai thác có hiệu quả hạ tầng KH,CN&ĐMST: đầu tư nâng cao năng lực của hệ thống thông tin KH,CN&ĐMST của tỉnh; tập hợp, chuẩn hóa, chia sẻ các bộ dữ liệu dùng chung trong tỉnh thuộc các lĩnh vực y tế, nông nghiệp, công nghiệp, ... để phục vụ nhu cầu ứng dụng KH&CN; hoàn thiện và tăng cường công tác quản lý thống kê ngành về KH,CN&ĐMST phục vụ hiệu quả công tác xây dựng chính sách, quản lý phát triển KH,CN&ĐMST.

- Đảm bảo chi đúng mục đích cho hoạt động KH,CN&ĐMST hàng năm và tăng dần theo yêu cầu phát triển của sự nghiệp KH&CN; phân bổ nguồn kinh phí cấp tỉnh/huyện đảm bảo tập trung, trọng điểm, kinh phí cấp huyện chủ yếu chi cho hoạt động tuyên truyền, triển khai ứng dụng các sản phẩm khoa học, công nghệ đã được đánh giá nghiệm thu vào hoạt động thực tiễn; đẩy mạnh thu hút vốn đầu tư của xã hội cho KH&CN, đặc biệt thu hút vốn của doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động KH,CN&ĐMST.

- Phát triển nguồn nhân lực KH,CN&ĐMST có trình độ và năng lực sáng tạo cao; phát huy vai trò của Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh trong công tác vận động, tập hợp đội ngũ trí thức của tỉnh; đẩy mạnh các hoạt động tư vấn, phản biện và giám định xã hội các chương trình, dự án trọng điểm trên địa bàn tỉnh; tăng cường hoạt động tôn vinh trí thức nhằm khẳng định và ghi nhận đóng góp của đội ngũ trí thức; xây dựng Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh thực sự là "mái nhà chung" của đội ngũ trí thức KH&CN của tỉnh.

- Thúc đẩy hoạt động KH,CN&ĐMST trong doanh nghiệp nhằm nâng cao năng suất, chất lượng; hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao khả năng tiếp cận với thông tin công nghệ, bao gồm thông tin về sáng chế, thông tin chuyên gia công nghệ,

thông tin về trung gian công nghệ, cơ sở dữ liệu công nghệ; rà soát, triển khai các cơ chế, chính sách để phát triển doanh nghiệp KH&CN, doanh nghiệp công nghệ cao, doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo. Khuyến khích doanh nghiệp đầu tư nghiên cứu và sử dụng các giải pháp công nghệ cao, công nghệ mới, chuyển đổi số của các doanh nghiệp trong nước thay cho nhập khẩu từ nước ngoài.

5. Tăng cường các hoạt động tôn vinh, truyền thông, nâng cao nhận thức về KH,CN&ĐMST

Đẩy mạnh các hoạt động truyền thông về KH,CN&ĐMST thông qua đa dạng hóa các loại hình truyền thông trên nền tảng số và mạng xã hội; đẩy mạnh hoạt động truyền thông về doanh nghiệp có doanh thu tạo ra từ sản xuất - kinh doanh hình thành từ kết quả hoạt động KH&CN để nâng cao giá trị thương hiệu, tạo uy tín đối với người tiêu dùng, nâng cao lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp KH&CN và doanh nghiệp công nghệ cao; đẩy mạnh truyền thông và hỗ trợ của nhà nước đối với các hoạt động sáng kiến, cải tiến kỹ thuật của người dân; xây dựng các hình thức trưng bày KH,CN&ĐMST phục vụ rộng rãi các đối tượng trong xã hội.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cơ quan tham mưu giúp việc Tỉnh uỷ; các đảng đoàn, ban cán sự đảng, Ban Thường vụ Tỉnh đoàn; các huyện uỷ, thị uỷ, thành uỷ, đảng uỷ trực thuộc Tỉnh uỷ triển khai, quán triệt sâu rộng trong cán bộ, đảng viên và Nhân dân về Nghị quyết này; đồng thời xây dựng chương trình, kế hoạch thực hiện phù hợp với tình hình thực tế và chức năng, nhiệm vụ được giao.

2. Ban Tuyên giáo Tỉnh uỷ chỉ đạo, hướng dẫn, định hướng các cơ quan báo, đài, đội ngũ báo cáo viên, cộng tác viên đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về thực hiện Nghị quyết, góp phần tạo sự thống nhất về nhận thức và hành động của các cấp uỷ, tổ chức đảng, địa phương, cơ quan, đơn vị, đội ngũ cán bộ, đảng viên và các tầng lớp nhân dân trong việc thực hiện Nghị quyết nhằm tạo sự bứt phá, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh trong phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Tây Ninh.

3. Ban Dân vận Tỉnh uỷ chỉ đạo, hướng dẫn Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh tuyên truyền, vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân tham gia thực hiện tốt Nghị quyết này; tăng cường giám sát việc triển khai thực hiện.

4. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo triển khai thực hiện tốt Nghị quyết này, xây dựng kế hoạch cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp theo lộ trình cụ thể, phù hợp với điều kiện tình hình thực tế; giao nhiệm vụ cụ thể đối với từng ngành, đơn vị trong tổ chức thực hiện Nghị quyết này; bảo đảm ngân sách phát triển khoa học và công nghệ theo quy định.

Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy và các cơ quan, đơn vị có liên quan thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc quán triệt và triển khai thực hiện; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết quả thực hiện.

5. Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, theo dõi, đôn đốc việc quán triệt và triển khai thực hiện Nghị quyết này tại địa phương, cơ quan, đơn vị được phân công phụ trách.

6. Nghị quyết này phổ biến đến chi bộ; đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng (b/c),
- Các ban đảng Trung ương,
- Các Vụ Địa phương: II (VPTW Đảng),
- III (BTCTW), VII (UBKTTW), III (BNCTW),
- Vụ Địa phương (BKTTW),
- Các CQTT BTGTW, BDVTW (tại TP.HCM),
- Các cơ quan tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy,
- Các đảng đoàn, ban cán sự đảng, BTV Tỉnh đoàn,
- Các huyện, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc TU,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lãnh đạo Văn phòng Tỉnh ủy,
- Phòng Tổng hợp – Văn phòng Tỉnh ủy,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

T/M BAN THƯỜNG VỤ

BÍ THƯ



Nguyễn Thành Tâm